

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2026/KDTM-ST

Ngày: 17 - 8 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

- Ông Nguyễn Thanh Cần.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hải Yến, là ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trương Anh T, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 24/2026/TLST-KDTM ngày 20 tháng 01 năm 2026, về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo định đưa vụ án ra xét xử số 91/2026/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV S; địa chỉ: Thửa đất số 786, tờ bản đồ số 12, tổ B, khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Phan Văn T1, sinh năm 1986; địa chỉ: Số A L, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Phạm Thế T2, sinh năm 1999; địa chỉ: C N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ liên hệ: Số G N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T1, ông T2 là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 09/12/2025). Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH C; địa chỉ: T, 334, 343, tờ bản đồ số 29, đường K, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ân T3, sinh năm 1981, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn Công ty TNHH MTV S và người đại diện hợp pháp trình bày:

Vào ngày 15/6/2025, Công ty TNHH MTV S (viết tắt là Công ty S) và Công ty TNHH C (viết tắt là Công ty C) ký Hợp đồng kinh tế về việc cung cấp suất ăn công nghiệp trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 15/6/2025 đến ngày 14/6/2026. Theo thỏa thuận, Công ty S cung cấp suất ăn cho Công ty C với giá là 36.000 đồng/suất, giá chưa bao gồm thuế VAT. Về phương thức thanh toán, hàng tháng Công ty S gửi hóa đơn cho Công ty C bao gồm tiền cơm và thuế VAT, Công ty C phải thanh toán cho Công ty S trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn, thanh toán bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng.

Tuy nhiên, từ tháng từ ngày 01/9/2025 đến 31/10/2025 Công ty C chưa thanh toán tiền cho Công ty S mặc dù Công ty S đã thực hiện đối chiếu công nợ, xuất hóa đơn và gửi cho Công ty C. Theo đó, Công ty S đã cung cấp hàng hóa và xuất 02 (Hai) hóa đơn số: 00000110 ngày 30/9/2025 là 160.885.440 đồng và hóa đơn số: 00000124 ngày 30/10/2025 tổng hàng hóa từ 01/10/2025 đến 24/10/2025 là 184.213.440 đồng. Ngoài ra, từ ngày 25/10/2025 đến 31/10/2025 Công ty S tiếp tục cung cấp suất ăn cho Công ty C tương ứng giá trị tiền cơm là 40.122.000 đồng nhưng chưa xuất hóa đơn vì Công ty C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trước đó. Như vậy, tổng cộng Công ty C còn nợ của Công ty S là 385.220.880 đồng. Mặc dù Công ty S nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty C vẫn không thanh toán, đến ngày 10/11/2025 thì Công ty C đã tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng đã ký với Công ty S.

Ngoài ra, quá trình cung cấp suất ăn, Công ty S đã tiến hành dựng cột kèo sắt, mái tôn vòm để làm nhà ăn và đặt 44 bộ bàn ghế dùng để ngồi ăn cơm (mặt bằng gỗ chân bàn và ghế bằng sắt liền nhau) tại Công ty C, hiện tại vẫn đang ở trong Công ty C.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, Công ty TNHH MTV S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, như sau:

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng kinh tế về cung cấp suất ăn công nghiệp ký ngày 15/6/2025 giữa Công ty TNHH MTV S và Công ty TNHH C.
- Buộc Công ty TNHH C phải thanh toán một lần số tiền còn nợ cho Công ty TNHH MTV S số tiền là 385.220.880 đồng.
- Buộc công ty TNHH C phải trả lại số tài sản gồm cột kèo sắt và mái tôn, 44 bộ bàn ghế cho công ty S.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn Công ty TNHH MTV S rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty TNHH C phải trả lại số tài sản gồm cột kèo sắt và mái tôn, 44 bộ bàn ghế cho công ty S.

Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH C đã

được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt suốt quá trình tố tụng, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố H phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật, không tham gia tố tụng, không trình bày, cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty TNHH MTV S khởi kiện yêu cầu trả tiền theo đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn Công ty TNHH C; địa chỉ đăng ký: Thửa đất số E, 334, 343, tờ bản đồ số 29, đường K, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ pháp luật chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức đăng ký kinh doanh với nhau, đều có mục đích lợi nhuận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn Công ty TNHH C không còn hoạt động tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH C để tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Quá trình tố tụng, nguyên đơn Công ty TNHH MTV S rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn Công ty TNHH C trả lại số tài sản là cột kèo sắt, mái tôn, 44 bộ bàn ghế. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn Công ty TNHH MTV S và bị đơn Công ty TNHH C mua bán hàng hóa là suất ăn công nghiệp với nhau theo Hợp đồng kinh tế đã ký ngày

15/6/2025 thời hạn là 01 năm từ ngày 15/6/2025 đến ngày 14/6/2026. Xét thấy, thời hạn hợp đồng đến hết ngày 14/6/2026 là đã chấm dứt theo thỏa thuận của các bên tại Điều 6 của Hợp đồng đã ký. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 372, 375 của Bộ luật dân sự.

[2.2] Nguyên đơn bên bán đã bán hàng cho bị đơn bên mua và xuất 02 Hóa đơn giá trị gia tăng để yêu cầu thanh toán, cụ thể: Hóa đơn số 00000110 ngày 30/9/2025 của tháng 9/2025 là 160.885.440 đồng; hóa đơn số 00000124 ngày 30/10/2025 của tháng 10/2025 là 184.213.440 đồng và từ 25/10/2025 đến 31/10/2025 Công ty S cung cấp suất ăn cho Công ty C tương ứng giá trị tiền là 40.122.000 đồng theo Bảng đối chiếu công nợ tháng 10/2025. Tổng cộng số tiền Công ty C chưa thanh toán là 385.220.880 đồng.

Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết là hợp đồng song vụ. Nguyên đơn bên bán đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giao hàng, xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn bên mua. Bị đơn mua hàng nhưng không thanh toán tiền đầy đủ và đúng thời gian đã thỏa thuận cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng hai bên ký kết làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 385.220.880 đồng.

[2.3] Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc là 385.220.880 đồng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Chi phí đăng phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp tạm ứng nên đã thi hành xong.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 30, 35, 39, 40, 85, 86, 227, 228, 244, 266, 267, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 3, 24, 34, 42, 50, 55, 306 của Luật Thương mại;
- Các Điều 357, 372, 375, 430, 431, 434, 440 và 468 của Bộ luật dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty

TNHH MTV S về việc buộc bị đơn công ty TNHH C phải trả lại số tài sản là cột kèo sắt, mái tôn, 44 bộ bàn ghế.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV S đối với bị đơn Công ty TNHH C về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

- Tuyên chấm dứt Hợp đồng kinh tế ngày 15/6/2025 về việc cung cấp suất ăn công nghiệp ký giữa Công ty TNHH MTV S và Công ty TNHH C.

- Buộc Công ty TNHH C trả cho Công ty TNHH MTV S số tiền nợ gốc là: 385.220.880 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu hai trăm hai mươi nghìn tám trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

3. Về án phí:

Công ty TNHH C phải chịu 19.261.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH MTV S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.630.000 đồng (Chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003438 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được thông báo, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Cảnh Khang